

Số: 467 /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành cấu trúc đề thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông tỉnh Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông được hợp nhất tại văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên được hợp nhất tại văn bản số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 517/KH-SGDĐT ngày 24/02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng ngân hàng đề thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông;

Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng xây dựng cấu trúc đề thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông tỉnh Quảng Ninh tại Quyết định số 390/QĐ -SGDĐT ngày 01/03/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng xây dựng cấu trúc đề thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông tỉnh Quảng Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành cấu trúc đề thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông tỉnh Quảng Ninh, gồm ma trận và đặc tả đề thi dành cho mọi thí sinh và thí sinh thi chuyên các môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông tỉnh Quảng Ninh là căn cứ để xây dựng, biên soạn và thẩm định đề thi tuyển sinh vào lớp 10 từ năm học 2022 - 2023.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 440/QĐ - SGDĐT ngày 11/3/2022 và có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng Giáo dục Phổ thông, Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD, các PGD Sở;
- Phòng GDĐT các huyện (TX, TP);
- Các Trường có cấp THPT;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, GDPT.



CẤU TRÚC
ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT TỈNH QUẢNG NINH
MÔN: TOÁN

(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-SGDĐT ngày 24/3/2022)

I. Đề thi dành cho mọi thí sinh

1. **Hình thức:** tất cả các câu hỏi trong đề thi là câu hỏi tự luận.
2. **Thời gian làm bài:** 120 phút.
3. **Thang điểm:** 10,0 (cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*).
4. **Giới hạn kiến thức, kĩ năng:** thuộc chương trình Toán cấp THCS hiện hành, tập trung chủ yếu ở lớp 9.
5. **Ma trận đề**

TT	Phần	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)			
1	Đại số	15	7	22,5	23	7,5	10			45	40	4,5
2	Hình học	5	3	12,5	12	10	15	7,5	15	35	45	3,5
3	Bài toán thực tiễn, tổng hợp					15	25	5	10	20	35	2,0
Tổng		20	10	35	35	32,5	50	12,5	25	100	120	10
Tỉ lệ %		20		35		32,5		12,5				
Tỉ lệ chung		55				45						

6. Đặc tả đề thi

STT	Phần	Nội dung	Điểm
1	Đại số	Căn thức bậc hai, căn bậc ba	4,5
		Hàm số bậc nhất và vị trí tương đối của hai đường thẳng	
		Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn	
		Phương trình bậc hai một ẩn, hệ thức Vi-ét và ứng dụng	
		Tương giao giữa đường thẳng (d): $y = ax + b$ và parabol (P): $y = ax^2 (a \neq 0)$	



M

2	Hình học	Hệ thức lượng trong tam giác vuông, tỉ số lượng giác của góc nhọn và bài toán liên quan	3,5
		Đường tròn, góc với đường tròn và các bài toán liên quan	
3	Bài toán có nội dung thực tiễn, tổng hợp	Giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình	1,5
		Bài toán thực tiễn tích hợp với các môn khoa học tự nhiên, bài toán gắn với thực tiễn cuộc sống và các bài toán có nội dung khác	0,5

Chú ý: Trong cấu trúc này, không nội dung kiến thức nào bắt buộc phải có trong đề thi.

II. Đề thi dành cho thí sinh chuyên

1. **Hình thức:** tất cả các câu hỏi trong đề thi là câu hỏi tự luận.

2. **Thời gian làm bài:** 150 phút.

3. **Thang điểm:** 10,0 (cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*).

4. **Giới hạn kiến thức, kỹ năng:** thuộc chương trình Toán cấp THCS hiện hành, tập trung chủ yếu ở lớp 9.

5. Ma trận đề

TT	Phần	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)			
1	Đại số			10	15	20	25	10	20	40	60	4,0
2	Hình học			10	15	15	20	10	20	35	55	3,5
3	Số học, Tổ hợp							25	35	25	35	2,5
Tổng				20	30	35	45	45	75	100	150	10
Tỉ lệ %		20				80						

6. Đặc tả đề thi

STT	Phần	Nội dung	Điểm
1	Đại số	Căn thức bậc hai, căn bậc ba	4,0
		Hàm số bậc nhất, hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$; Tương giao giữa đường thẳng (d): $y = ax + b$ và parabol (P): $y = ax^2 (a \neq 0)$	
		Bài toán về biến đổi biểu thức đại số	
		Phương trình, hệ phương trình đại số	
		Bất đẳng thức, cực trị đại số	
		Đa thức	

2	Hình học	Các bài toán về hình học phẳng	3,5
3	Số học, Tổ hợp	Các bài toán liên quan đến: tính chia hết, đồng dư thức, ước số chung lớn nhất, bộ số chung nhỏ nhất, cấu tạo số, hợp số, số nguyên tố, số chính phương và lập phương đúng. Phương trình nghiệm nguyên	2,5
		Các bài toán có nội dung liên quan đến vấn đề: Suy luận logic, Nguyên lý Dirichlet, nguyên lý cực hạn, bất biến, tô màu, lý thuyết trò chơi,... Các nguyên lý đếm cơ bản	

Chú ý: Trong cấu trúc này, không nội dung kiến thức nào bắt buộc phải có trong đề thi.

pu



CẤU TRÚC
ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT TỈNH QUẢNG NINH
MÔN: NGỮ VĂN

(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-SGDĐT ngày 24/3/2022)

I. Đề thi dành cho mọi thí sinh

1. Hình thức: Tự luận.

2. Thời gian làm bài: 120 phút.

3. Thang điểm: 10,0 (cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*).

4. Giới hạn kiến thức, kĩ năng: thuộc chương trình Ngữ văn cấp THCS hiện hành, tập trung chủ yếu ở lớp 9:

5. Ma trận đề

T T	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	10	5	15	10	5	5			4	20	30
2	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	5	5	5	5	5	5	5	5	1	20	20
3	Viết bài văn nghị luận văn học	5	5	20	30	20	35	5	10	1	80	50
Tổng		20	15	40	45	30	45	10	15	6	120	100
Tỉ lệ %		20		40		30		10				100
Tỉ lệ chung		60				40						100

6. Đặc tả đề thi

TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU		2	1	1	0	4
	Nghị luận hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, có xuất xứ rõ ràng)	Nhận biết: - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận; phương tiện tu từ, biện pháp tu từ, cấu tạo câu, phép liên kết câu,... Thông hiểu: - Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích.					

TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các phương tiện tu từ, biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích. - Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
	<p>Thơ Việt Nam từ sau CM tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX</p> <p>(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, có xuất xứ rõ ràng)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được thể thơ, phương thức biểu đạt, phương tiện tu từ, biện pháp tu từ,... của bài thơ/đoạn thơ. - Xác định được đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. - Chỉ ra các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ,... trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đề tài, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng thẩm mĩ, giọng điệu, tình cảm của nhân vật trữ tình, những sáng tạo về ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ/đoạn thơ. - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
	<p>Truyện hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX</p> <p>(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, có xuất xứ rõ ràng)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đề tài, cốt truyện, chi tiết, sự việc tiêu biểu. - Nhận diện phương thức biểu đạt, ngôi kể, hệ thống nhân vật, biện pháp nghệ thuật, phương tiện tu từ, biện pháp tu từ, cấu tạo câu, phép liên kết câu,... của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp nghệ thuật,... - Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. 					

TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Vận dụng: - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX. - Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.					
2	LÀM VĂN - VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI <i>Đoạn văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.</i>					1	
	Nghị luận về tư tưởng, đạo lí	Nhận biết: - Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận (vấn đề nghị luận được rút ra từ văn bản đọc hiểu hoặc phát triển ý từ văn bản đọc hiểu). - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn từ 12 câu đến 15 câu (khoảng 200 từ). Thông hiểu: - Hiểu nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí. Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí. Vận dụng cao: - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.					
	Nghị luận về một hiện tượng đời sống	Nhận biết: - Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận (vấn đề nghị luận được rút ra từ văn bản đọc hiểu hoặc phát triển ý từ văn bản đọc hiểu). - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn từ 12 câu đến 15 câu (khoảng 200 từ) Thông hiểu: - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống. Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. Vận dụng cao:					

TT	Đơn vị kiến thức / kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
3	LÀM VĂN - VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC <i>Bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.</i>						1
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị luận về văn bản/đoạn trích <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> của Nguyễn Dữ 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm. - Xác định được cốt truyện, các sự việc, chi tiết tiêu biểu, hệ thống nhân vật, ngôi kể... trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được giá trị về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, kiến thức về thể loại truyện truyền kì và tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh theo yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Dữ trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc, độc đáo trong văn bản. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị luận về đoạn trích <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du: - <i>Chị em Thúy Kiều</i> 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Truyện Kiều</i> và đoạn trích. - Xác định được nội dung, nhân vật, biện pháp nghệ thuật, ... trong đoạn trích. - Nhận diện được từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p>					

TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	- <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>	<p>Hiểu được những giá trị về nội dung và nghệ thuật đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng lập dàn ý, tạo lập văn bản, sử dụng các thao tác nghị luận; kĩ năng đọc hiểu tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Du trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận; - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
	<p>Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu - <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> của Phạm Tiến Duật - <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> của Huy Cận - <i>Bếp lửa</i> của Bằng Việt - <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> của Thanh Hải - <i>Viếng lăng Bác</i> của Viễn Phương 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu được nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật,... của bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài: hiện thực và vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam trong thời kì từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX; những tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh,... - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí và đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các bài thơ khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. 					

TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	<p>- <i>Sang thu</i> của Hữu Thỉnh</p> <p>- <i>Nói với con</i> của Y Phương</p>	<p>- Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong tác phẩm / đoạn trích đối với bản thân, cuộc sống, xã hội hiện tại.</p>					
	<p>Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi:</p> <p>- <i>Làng</i> (trích) của Kim Lân</p> <p>- <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> (trích) của Nguyễn Thành Long</p> <p>- <i>Chiếc lược ngà</i> (trích) của Nguyễn Quang Sáng</p> <p>- <i>Những ngôi sao xa xôi</i> (trích) của Lê Minh Khuê</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu thông tin về tác giả, tác phẩm.</p> <p>- Nhớ được cốt truyện, nhân vật; xác định được chi tiết, sự việc tiêu biểu,...</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của truyện hiện đại: cảm hứng ngợi ca phẩm chất con người Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến, tình yêu quê hương đất nước; nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, bút pháp trần thuật mới mẻ.</p> <p>- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của truyện hiện đại Việt Nam được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm / đoạn trích truyện hiện đại Việt Nam.</p> <p>- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm / đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.</p> <p>- Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong tác phẩm / đoạn trích đối với bản thân, cuộc sống, xã hội hiện tại.</p>					
	Tổng						6
	Tỉ lệ %		20	40	30	10	100
	Tỉ lệ chung		60	40	40	100	100

II. Đề thi dành cho thí sinh chuyên

1. Hình thức: Tự luận.

2. Thời gian làm bài: 150 phút.

3. Thang điểm: 10,0 (cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*).

4. Giới hạn kiến thức, kĩ năng: thuộc chương trình Ngữ văn cấp THCS hiện hành, tập trung chủ yếu ở lớp 8, lớp 9; các văn bản ngoài sách giáo khoa (cùng kiểu loại, chủ đề,... với các văn bản đã học)

5. Ma trận đề

T T	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)			
1	Đọc hiểu			10	10	10	10			2	20	20
2	Viết bài văn nghị luận xã hội	5	5	5	5	15	20	5	10	1	40	30
3	Viết bài văn nghị luận văn học	5	5	10	15	15	30	20	40	1	90	50
Tổng		10	10	25	30	40	60	20	50	4	150	100
Tỉ lệ %		10		25		40		25				100
Tỉ lệ chung		35				65						100

6. Đặc tả đề thi

TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU		0	1	1	0	2
	Nghị luận hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận; phương tiện tu từ, biện pháp tu từ, cấu tạo câu, phép liên kết câu,... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các phương tiện tu từ, biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích. - Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p>					

TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
	<p>Thơ Việt Nam từ sau CM tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, có xuất xứ rõ ràng)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được thể thơ, phương thức biểu đạt, phương tiện tu từ, biện pháp tu từ,... của bài thơ/đoạn thơ. - Xác định được đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ. - Chỉ ra các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ,... trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đề tài, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng thẩm mĩ, giọng điệu, tình cảm của nhân vật trữ tình, những sáng tạo về ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ/đoạn thơ. - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 					
	<p>Truyện hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, có xuất xứ rõ ràng)</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đề tài, cốt truyện, chi tiết, sự việc tiêu biểu. - Nhận diện phương thức biểu đạt, ngôi kể, hệ thống nhân vật, biện pháp nghệ thuật, phương tiện tu từ, biện pháp tu từ, cấu tạo câu, phép liên kết câu,... của văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp nghệ thuật,... - Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX. 					

TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		- Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.					
2	LÀM VĂN - VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI <i>Bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.</i>					1	
	Nghị luận về tư tưởng, đạo lí	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận. - Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận (vấn đề nghị luận được rút ra từ văn bản đọc hiểu hoặc phát triển ý từ văn bản đọc hiểu). <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
	Nghị luận về một hiện tượng đời sống	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận. - Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận (vấn đề nghị luận được rút ra từ văn bản đọc hiểu hoặc phát triển ý từ văn bản đọc hiểu). <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 					
3	LÀM VĂN - VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC					1	



TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		<i>Bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.</i>					
	<p>- Nghị luận về văn bản/đoạn trích <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> của Nguyễn Dữ</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm. - Xác định được cốt truyện, các sự việc tiêu biểu, hệ thống nhân vật, ngôi kể... trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những giá trị về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của truyện truyền kì Việt Nam được thể hiện trong văn bản /đoạn trích. - Lí giải được một số vấn đề về lí luận văn học (đặc trưng của tác phẩm văn học; nguồn gốc, nội dung, giá trị văn học,...). <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về thể loại truyện truyền kì và tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh theo yêu cầu của đề. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Dữ trong văn học Việt Nam. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác, có thể sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để phát hiện những vấn đề sâu sắc, độc đáo trong văn bản. - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
	<p>- Nghị luận về đoạn trích <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du: - <i>Chị em Thúy Kiều</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Truyện Kiều</i> và đoạn trích. - Xác định được nội dung, nhân vật, biện pháp nghệ thuật... trong đoạn trích. - Nhận diện được từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p>					

TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	- <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>	<p>- Hiểu được nội dung và nghệ thuật đoạn trích.</p> <p>- Lí giải được một số vấn đề về lí luận văn học (đặc trưng của tác phẩm văn học; nguồn gốc, nội dung, giá trị văn học,...).</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng lập dàn ý, tạo lập văn bản, sử dụng các thao tác nghị luận; kĩ năng đọc hiểu tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Du trong văn học Việt Nam.</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận, có thể sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận;</p> <p>- Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.</p> <p>- Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.</p>					
	<p>Nghị luận về một bài thơ/đoạn thơ (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945):</p> <p>- <i>Nhớ rừng</i> của Thế Lữ</p> <p>- <i>Ông đồ</i> của Vũ Đình Liên</p> <p>- <i>Quê hương</i> của Tế Hanh</p> <p>- <i>Khi con tu hú</i> của Tố Hữu</p> <p>- <i>Tức cảnh Pác Bó</i> của Hồ Chí Minh</p> <p>- <i>Ngắm trăng</i> của</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.</p> <p>- Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ.</p> <p>- Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề: tình cảm quê hương, tư tưởng yêu nước; quan niệm thẩm mỹ và nhân sinh mới mẻ...; sự kế thừa các thể thơ truyền thống và hiện đại hóa thơ ca về ngôn ngữ, thể loại, hình ảnh,...</p> <p>- Lí giải được một số đặc điểm của thơ hiện đại từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>- Lí giải được một số vấn đề về lí luận văn học (đặc trưng của tác phẩm văn học; nguồn gốc, nội dung, giá trị văn học,...).</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.</p> <p>- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả.</p> <p>Vận dụng cao:</p>					

TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác, có thể sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
	<p>Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ (từ CM tháng Tám 1945 đến hết TK XX):</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu - <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> của Phạm Tiến Duật - <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> của Huy Cận - <i>Bếp lửa</i> của Bằng Việt - <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> của Thanh Hải - <i>Viếng lăng Bác</i> của Viễn Phương - <i>Sang thu</i> của Hữu Thỉnh - <i>Nói với con</i> của Y Phương 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu được nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật,... của bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài: hình ảnh hai cuộc kháng chiến và những tình cảm yêu nước thiết tha, những suy nghĩ và cảm xúc riêng tư trong sáng; những tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh,... - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. - Lí giải được một số vấn đề về lí luận văn học (đặc trưng của tác phẩm văn học; nguồn gốc, nội dung, giá trị văn học,...). <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí và đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các bài thơ khác, có thể sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					

TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	<p>Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945):</p> <p>- <i>Tôi đi học</i> của Thanh Tịnh</p> <p>- <i>Trong lòng mẹ</i> (trích <i>Thời thơ ấu</i> của Nguyên Hồng)</p> <p>- <i>Tức nước vỡ bờ</i> (trích <i>Tắt đèn</i> của Ngô Tất Tố)</p> <p>- <i>Lão Hạc</i> (trích) của Nam Cao</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. - Nêu được cốt truyện, đề tài, chủ đề, nhân vật, các chi tiết, sự việc nổi bật của tác phẩm/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm/đoạn trích theo yêu cầu của đề: giá trị hiện thực, tư tưởng nhân đạo, nghệ thuật trần thuật và xây dựng nhân vật, bút pháp hiện thực và lãng mạn... - Lí giải được một số đặc điểm của truyện hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. - Lí giải được một số vấn đề về lí luận văn học (đặc trưng của tác phẩm văn học; nguồn gốc, nội dung, giá trị văn học,...). <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/văn bản. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/ văn bản, đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác, có thể sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
	<p>Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi (từ CM tháng Tám 1945 đến hết TK XX):</p> <p>- <i>Làng</i> (trích) của Kim Lân</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nhớ được cốt truyện, nhân vật; xác định được chi tiết, sự việc tiêu biểu,... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của truyện hiện đại: cảm hứng ngợi ca phẩm chất con người Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến, tình yêu quê hương đất nước; nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, bút pháp trần thuật mới mẻ. 					

TT	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> (trích) của Nguyễn Thành Long - <i>Chiếc lược ngà</i> (trích) của Nguyễn Quang Sáng - <i>Những ngôi sao xa xôi</i> (trích) của Lê Minh Khuê 	<ul style="list-style-type: none"> - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của truyện hiện đại Việt Nam được thể hiện trong văn bản/đoạn trích. - Lí giải được một số vấn đề về lí luận văn học (đặc trưng của tác phẩm văn học; nguồn gốc, nội dung, giá trị văn học,...). <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của truyện hiện đại Việt Nam. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác, có thể sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. 					
	Tổng						4
	Tỉ lệ %		10	25	40	25	100
	Tỉ lệ chung		35		65		100

CẤU TRÚC
ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT TỈNH QUẢNG NINH
MÔN: TIẾNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-SGDĐT ngày 24/3/2022)

I. Đề thi dành cho mọi thí sinh

1. Hình thức: Trắc nghiệm và tự luận.

2. Thời gian làm bài: 60 phút.

3. Thang điểm: 10,0 (cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*).

4. Giới hạn kiến thức, kỹ năng: thuộc chương trình Tiếng Anh cấp THCS hiện hành (gồm chương trình 7 năm và chương trình 10 năm), tập trung chủ yếu ở lớp 9.

4.1. Kiến thức

4.1.1. *Phonology:* Phonetics and Word stress

4.1.2. *Vocabulary:* Từ vựng thuộc các chủ điểm đã học ở cấp THCS, đặc biệt chú trọng vào các chủ điểm trong Tiếng Anh 9 (chương trình 7 năm và chương trình 10 năm);

4.1.3. *Grammar:* verb tenses (the present simple, the present continuous, the future (*will / be going to*); the past simple, the past continuous, the present perfect); relative clauses, the passive voice, conditional sentences type 1, 2; indirect speech (statements, imperatives, yes/no questions, wh-questions); wish sentences (at the present); comparison sentences; gerunds and infinitives; quantifiers (few/a few/; little/ a little; some/any; many/much); prepositions; articles; compound nouns; connectives; determiners; question tags, Subject-Verb agreement, adverb clauses of concession; adjectives/adverbs; enough; so ... that; too....to; used to, to be/get used to.

4.2. Kỹ năng

4.2.1. *Reading*

- Cloze test;

- Reading comprehension.

4.2.2. *Writing:* Sentence transformation.

4.2.3. *Communication*

5. Ma trận đề

Kiến thức, kỹ năng	Dạng bài	Nhận biết				Thông hiểu				Vận dụng				Vận dụng cao				Tổng			
		Trắc nghiệm		Tự luận		Trắc nghiệm		Tự luận		Trắc nghiệm		Tự luận		Trắc nghiệm		Tự luận		Trắc nghiệm		Tự luận	
		Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm
Phonetics	Pronunciation	2	0,5															2	0,5		
	Word stress	2	0,5															2	0,5		
Vocabulary-Grammar	MCQs	4	1,0			5	1,25			1	0,25			1	0,25			11	2,75		
	Error identification	2	0,5			1	0,25											3	0,75		
	Word forms			2	0,5			1	0,25			1	0,25			1	0,25			5	1,25
Communication							2	0,5										2	0,5		
Reading	Cloze test	2	0,5			2	0,5			1	0,25							5	1,25		
	Reading comprehension	2	0,5			1	0,25			1	0,25			1	0,25			5	1,25		
Writing	Sentence transformation											4	1,0			1	0,25			5	1,25
		14	3,5	2	0,5	11	2,75	1	0,25	3	0,75	5	1,25	2	0,5	2	0,5	30	7,5	10	2,5
Tổng số câu		16				12				8				4				40			
Tổng số điểm		4,0				3,0				2,0				1,0				10,0			
Tỷ lệ:		40%				30%				20%				10%				100 %			

6. Đặc tả đề thi

Nội dung kiến thức kỹ năng	Dạng bài	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá	Số câu hỏi theo các mức độ kiểm tra đánh giá							
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
			TN	T.luận	TN	T.luận	TN	T.luận	TN	T.luận
I. Phonetics	Pronunciation	-Phân biệt cách phát âm ‘-s/es’ hoặc “-ed” ending sounds	1							
		-Nhận diện cách phát âm nguyên âm/phụ âm:	1							
I. Phonetics	Word stress	- Nhận diện âm tiết mang trọng âm trong từ gồm có 2 âm tiết	1							
		- Nhận diện âm tiết mang trọng âm trong từ gồm có 3 âm tiết trở lên (các phương án lựa chọn phải có cùng số lượng âm tiết)	1							
II. Vocabulary and Grammar	Synonym	Hiểu được từ được gạch chân trong ngữ cảnh và chọn được từ gần nghĩa có thể thay thế từ đó trong 4 phương án đã cho.			1					
	Antonym	Hiểu được từ được gạch chân trong ngữ cảnh và chọn được từ ngược nghĩa có thể thay thế từ đó trong 4 phương án đã cho.			1					
	Word choice	Chọn được từ/cụm từ đúng và phù hợp với ngữ cảnh để hoàn thành câu cho trước	1		1					
	Other language items	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Verb tenses - Prepositions - Comparisons - Quantifiers - Conditional sentences - Tag questions Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - be (get) used to Ving/ used to Vo 	3							
						2				

		<ul style="list-style-type: none"> - Wish clauses - Relative pronouns - Passive voice - Adverb clauses of concession Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Phrasal verbs Vận dụng cao: <ul style="list-style-type: none"> - Idioms/ Collocations 					1		1	
	Error identification	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - S-V agreement - Gerunds/ Infinitives - Adjectives/Adverbs Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Prepositions /Phrasal verbs - Connectives 	2			1				
	Word forms	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng cấp độ A1 Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng cấp độ A2 Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng cấp độ B1 Vận dụng cao: <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng cấp độ B2 		2		1		1		1
	III. Communication	Hiểu được mục đích giao tiếp của các câu nói và chọn được phương án phù hợp với tình huống giao tiếp thường gặp (<i>Lời mời, lời đề nghị, lời khen, lời hứa, lời cảm ơn, đưa ra hướng dẫn chỉ đường, hướng dẫn sử dụng thiết bị, trả lời về phương tiện đi lại</i>).				2				
	IV. Reading	Cloze test Đọc 1 đoạn văn khoảng đến 90-120 từ về các chủ đề đã học/ quen thuộc với		2						
		*Chọn được phương án đúng để hoàn thành đoạn văn đã cho Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Articles - Relative pronouns 								

	lứa tuổi THCS, đặc biệt chú trọng các chủ điểm đã học trong tiếng Anh 9 (chương trình 7 năm và chương trình 10 năm)	Thông hiểu - Word forms - Connectives Vận dụng - Word choice			2		1			
	Reading comprehension Đọc 1 văn bản có độ dài 130-150 từ thuộc các chủ đề đã học/ quen thuộc với lứa tuổi THCS, đặc biệt chú trọng các chủ điểm đã học trong tiếng Anh 9 (hệ 7 năm và 10 năm)	Chọn được phương án đúng để trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin trong bài đọc đã cung cấp Nhận biết: Tìm chi tiết trong bài Thông hiểu : Xác định được ý chính/mục đích/tiêu đề của văn bản; Tìm được thông tin không đúng/ không được nhắc đến trong bài; Vận dụng: Hiểu, phân tích, tổng hợp ý của toàn bài để chọn câu trả lời phù hợp Vận dụng cao: Vận dụng kiến thức ngôn ngữ và hiểu biết xã hội để hiểu ngụ ý của tác giả	2		1		1		1	
V. Writing	Viết lại câu bắt đầu bằng từ/ cụm từ theo yêu cầu	Vận dụng : - Indirect speech - enough../ too../ so..that - Conditional sentences - Passive voice - Adverb clauses of concession Vận dụng cao: Collocation, idioms, phrasal verbs					4		1	
			14	2	11	1	3	5	2	2

II. Đề thi dành cho thí sinh chuyên

1. **Hình thức:** Trắc nghiệm và tự luận.

2. **Thời gian làm bài:** 150 phút.

3. **Thang điểm:** 10,0 (cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*).

4. **Giới hạn kiến thức, kĩ năng:**

4.1. Kiến thức

- *Vocabulary:* các từ/ cụm từ liên quan các chủ đề đã học trong chương trình THCS (mở rộng từ vựng liên quan ở cấp độ B2, C1); idioms, collocations;

- *Grammar:* các chủ đề ngữ pháp đã học trong chương trình THCS (mở rộng ở cấp độ B2, C1) và các chủ đề ngữ pháp sau: Inversion, Subjunctive; Appositives, Parallel structures.

4.2. Kĩ năng:

- *Listening:* Gap-fill, T/F Statement, MCQs, Matching;

- *Reading:* Gap-fill, Cloze test, Reading comprehension, Heading matching;

- *Writing:* Sentence transformation, Paragraph writing

5. **Ma trận đề**

Kiến thức, kĩ năng	Dạng bài	Nhận biết				Thông hiểu				Vận dụng				Vận dụng cao				Tổng					
		Trắc nghiệm		Tự luận		Trắc nghiệm		Tự luận		Trắc nghiệm		Tự luận		Trắc nghiệm		Tự luận		Trắc nghiệm		Tự luận			
		Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm		
Listening	Listening 1			3	0,3			5	0,5			2	0,2							10	1,0		
	Listening 2					2	0,2			3	0,3							5	0,5				
	Listening 3					3	0,3			2	0,2							5	0,5				
	Listening 4													5	0,5			5	0,5				
Lexico - Grammar	Multiple choice	2	0,2			7	0,7			1	0,1							10	1,0				
	Error identification	1	0,1			2	0,2			1	0,1			1	0,1			5	0,5				
	Word form											4	0,4			1	0,1			5	0,5		
Reading	Cloze test	2	0,2			3	0,3			2	0,2			1	0,1			8	0,8				
	Gap-fill							4	0,4			3	0,3							7	0,7		
	Reading comprehension	2	0,2			4	0,4			2	0,2			2	0,2			10	1,0				
	Choosing the headings									5	0,5							5	0,5				
Writing	Sentence transformation 1											5	0,5							5	0,5		
	Sentence transformation 2															5	0,5			5	0,5		
	Writing a paragraph	Viết đoạn văn theo chủ đề (khoảng 160 -180 từ)																					
		7	0,7	3	0,3	21	2,1	9	0,9	16	1,6	14	1,4	9	0,9	6	0,6	53	5,3	32	4,7		
Tổng số câu		10				30				30				15 + 1 bài viết				85 câu+ 1 bài viết (1,5 điểm)					
Tổng số điểm		1,0				3,0				3,0				3,0				10					
Tỷ lệ:		10				30%				30%				30%				100%					

6. Đặc tả đề thi

TT	Đơn vị kiến thức, kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		TN	TL
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL		
I	Listening (25 câu)									15	10	
	<p>1. Nghe một đoạn độc thoại/ hội thoại khoảng 2-3 phút liên quan đến chủ đề đã học/ quen thuộc. Học sinh trả lời câu hỏi bằng cách điền từ/ cụm từ vào chỗ trống . (Cấp độ B1)</p>	<p>Nhận biết: -Nghe và điền được con số, địa chỉ, tên riêng..</p>		3								
<p>Thông hiểu - Hiểu được nội dung của đoạn độc thoại để điền thông tin còn thiếu vào chỗ trống</p>					5							
<p>Vận dụng -Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng, xã hội, ... để đưa ra câu trả lời</p>							2					
	<p>2. Nghe một đoạn độc thoại / hội thoại khoảng 2-3 phút liên quan đến chủ đề đã học/ quen thuộc. Học sinh trả lời câu hỏi bằng cách chọn đáp án phù hợp (A, B,C,D) (Cấp độ B2)</p>	<p>Thông hiểu - Nghe hiểu các chi tiết của đoạn hội thoại để chọn được câu trả lời đúng.</p>								2		
<p>Vận dụng - Nắm được ý chính bài nghe, dựa vào ngữ điệu người nói, vận dụng để đưa ra câu trả lời phù hợp. - Kết hợp hơn 01 chi tiết để đưa ra câu trả lời</p>							3			3		

	<p>3. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 2-3 phút liên quan đến chủ đề đã học/ quen thuộc đối với lứa tuổi THCS</p> <p>Học sinh trả lời câu hỏi bằng cách chọn phương án đúng sai (True/False)</p> <p>(Cấp độ B2)</p>	<p>Thông hiểu</p> <p>- Nghe hiểu các chi tiết của đoạn hội thoại để chọn được câu trả lời đúng.</p> <p>- Kết nối các thông tin, dữ liệu để chọn câu trả lời đúng.</p>			3						3	
		<p>Vận dụng</p> <p>- Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, suy luận để đưa ra câu trả lời</p>					2				2	
	<p>4. Nghe các đoạn độc thoại (khoảng 3 phút) và nối mỗi đoạn với một phương án tương ứng. (các phương án lựa chọn nhiều hơn số đoạn độc thoại).</p> <p>(Cấp độ C1)</p>	<p>Vận dụng cao</p> <p>- Tổng hợp, phân tích, đối chiếu, suy luận các thông tin, vận dụng kiến thức ngôn ngữ, xã hội để chọn câu trả lời đúng.</p>						5			5	
II	Lexico-grammar (20 câu)										15	5
1. Ngữ pháp, từ vựng, giao tiếp	<p>Từ vựng</p> <p>- Nhận biết: Nhận diện được cấu trúc/ cụm từ trong câu.</p> <p>- Thông hiểu: Hiểu nội dung của câu để chọn được câu trả lời đúng.</p>	1									1	
										4		4
	<p>Ngữ pháp</p> <p>- Nhận biết: Nhận diện được cấu trúc ngữ pháp trong câu</p> <p>- Thông hiểu: Hiểu nội dung và cấu trúc của câu để chọn được câu trả lời đúng.</p>	1									1	
										3		3
	<p>Giao tiếp (Vận dụng)</p> <p>- Hỏi đáp thông tin sử dụng Everyday English phù hợp ngữ cảnh, đạt được mục đích giao tiếp.</p>							1			1	

2. Error identification - 5 câu riêng biệt, mỗi câu có 1 lỗi sai	Nhận biết: - Nhận diện được lỗi sai về cấu trúc/ từ vựng trong câu.	1								1	
	Thông hiểu Hiểu nội dung và cấu trúc của câu để tìm được lỗi sai.			2						2	
	Vận dụng - Vận dụng kiến thức ngôn ngữ và hiểu biết xã hội để tìm được lỗi sai					1				1	
	Vận dụng cao: - So sánh, phân tích kiến thức ngôn ngữ và hiểu biết xã hội để tìm được lỗi sai.							1		1	
3. Word forms	Biến đổi từ loại phù hợp với ngữ cảnh được cung cấp Vận dụng: - Từ vựng cấp độ B2 Vận dụng cao: - Từ vựng cấp độ C1							4			5
III Reading (30 câu)										23	7
1. Cloze test (Cấp độ B2) Đọc 1 văn bản có độ dài khoảng 160 - 180 từ với 8 chỗ trống. (MCQs)	Nhận biết: - Nhận diện được cấu trúc/ cụm từ trong câu.	2								2	
	Thông hiểu: - Hiểu nghĩa của từ/ cụm từ / cấu trúc trong ngữ cảnh để tìm được câu trả lời đúng.			3						3	
	Vận dụng: - Vận dụng kiến thức ngôn ngữ và hiểu biết xã hội để tìm được câu trả lời đúng.					2				2	
	Vận dụng cao:							1		1	

		- So sánh, phân tích kiến thức ngôn ngữ và hiểu biết xã hội để tìm được câu trả lời đúng.											
2. Gap-fill (Cấp độ B2) - Đọc 1 văn bản có độ dài khoảng 150 từ với 7 chỗ trống cần điền.	Thông hiểu: - Hiểu nghĩa của từ/ cụm từ / cấu trúc trong ngữ cảnh để tìm được câu trả lời đúng.					4						4	
	Vận dụng: - Vận dụng kiến thức ngôn ngữ và hiểu biết xã hội để tìm được câu trả lời đúng							3				3	
3. Reading comprehension (Cấp độ B2) - Đọc 1 văn bản có độ dài khoảng 250-300 từ với 10 câu hỏi. (MCQs)	Nhận biết: - Xác định được thông tin chi tiết trong văn bản để tìm được câu trả lời đúng.	2									2		
	Thông hiểu - Hiểu nghĩa của từ trong ngữ cảnh để tìm được từ có thể thay thế. - Hiểu được ý nghĩa tham chiếu. - Loại trừ các chi tiết để đưa ra câu trả lời phù hợp.				4							4	
	Vận dụng - Hiểu được ý chính, chủ đề, mục đích của bài đọc - Hiểu, phân tích, tổng hợp ý của bài để chọn câu trả lời phù hợp						2					2	
	Vận dụng cao: Tổng hợp, phân tích các thông tin, vận dụng kiến thức ngôn ngữ, xã hội để chọn câu trả lời đúng cho các câu hỏi dạng suy luận.								2			2	
4. Read and choose the heading for the paragraph (Cấp độ C1)	Vận dụng - Hiểu được ý chính, chủ đề, mục đích của bài đọc							5				5	



Ph

	- Đọc 1 văn bản gồm có 5 đoạn văn với độ dài khoảng 250-300 từ. - Số lượng headings : 6-8	- Hiểu, phân tích, tổng hợp ý của bài để chọn được headings phù hợp.										
IV	Writing (10 câu + 1 bài viết)											
	1. Sentence transformation Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho sẵn	Vận dụng : Sử dụng cấu trúc ngữ pháp, từ vựng ở mức độ nâng cao để viết lại câu							5			5
		Vận dụng cao: Sử dụng idioms, collocations., phrasal verbs ... để viết lại câu								5		5
	2. Thematic writing Viết đoạn văn (khoảng 160 - 180 từ) theo chủ đề (thuộc chương trình THCS và phù hợp với lứa tuổi)									01 bài viết		01 bài viết
	Tổng (85 câu + 1 bài viết)		7	3	21	9	16	14	9	6 + 01 bài viết	53	32 câu + 01 bài viết